

Số: 148 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán mua sắm phương tiện, thiết bị PCCCR thuộc dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung một số gói thầu thuộc dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 67/BC-SKHĐT ngày 13/01/2020, theo Tờ trình số 721/TTr-CCKL ngày 20/12/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán mua sắm phương tiện, thiết bị PCCCR thuộc dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

1. Dự toán mua sắm phương tiện, thiết bị PCCCR:



STT	Nội dung chi phí	Dự toán (Đồng)
1	Chi phí thiết bị	3.000.000.000
2	Chi phí quản lý dự án (phần thiết bị)	89.509.091
3	Chi phí tư vấn đầu tư	51.378.000
4	Chi phí khác	67.599.265
	Tổng cộng	3.208.486.356

(Có bảng tổng hợp dự toán kèm theo)

2. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 67/BC-SKHĐT ngày 13/01/2020.

Điều 2. Chi cục Kiểm lâm tỉnh là chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- LĐVP, Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, (8Bình).



Huỳnh Thị Hằng

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN MUA SẮM THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
 DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
 (Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí thiết bị	Gtb		2.727.272.727	272.727.273	3.000.000.000
1.1	Xe máy chữa cháy rừng (xe máy + bồn nước + máy bơm)	Gtb1		2.181.818.182	218.181.818	2.400.000.000
1.2	Bình phun nước chữa cháy rừng đeo vai (bình sạc điện, dung tích 20 lít)	Gtb2		545.454.545	54.545.455	600.000.000
2	Chi phí quản lý thiết bị	Gqlda	3,282% x (Gtb)	89.509.091		89.509.091
3	Chi phí tư vấn	Gtv	Gtv1 : Gtv13	46.707.273	4.670.727	51.378.000
3.1	Chi phí lập chứng thư thẩm định giá (theo hợp đồng)	Gtv1	Tạm tính	13.500.000	1.350.000	14.850.000
3.2	Chi phí tư vấn thẩm định HSYC, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm thiết bị	Gtv2	0,1% x Gtb	2.181.818	218.182	2.400.000
3.3	Chi phí lập HSYC, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	Gtv3	0,367% x Gtb	8.007.273	800.727	8.808.000
3.4	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv4	0,844% x Gtb	23.018.182	2.301.818	25.320.000
4	Chi phí khác	Gk	Gk1 : Gk3	63.235.628	4.363.636	67.599.265
4.1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Gk1	0,95% x TMDT x 50%	15.235.628		15.235.628
4.2	Chi phí thẩm định dự toán	Gk2	0,16% x Gtb	4.363.636		4.363.636
4.3	Chi phí kiểm toán	Gk9	1,6% x TMDT	43.636.364	4.363.636	48.000.000
	TỔNG CỘNG					3.208.486.356

Bằng chữ: (Ba tỷ, hai trăm lẻ tám triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm năm mươi sáu đồng).